

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 3091/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2023/QĐST – HNGĐ ngày 17/5/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Trần Thu T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 98, thôn Nam Hòa,, ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Hữu Đ**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: G03A, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Thảo có đơn xin vắng mặt, anh Đăng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc chị Nguyễn Trần Thu T trình bày:

Chị và anh Lê Hữu Đ tự tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/2003. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân, mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm với anh Đ nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 23/10/2004 và cháu Lê K, sinh ngày 14/02/2009. Ly hôn, chị Thảo đề nghị được nuôi con chung chưa trưởng thành là cháu Lê Khoa còn cháu Lê Việt A đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét. Đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Khoa số tiền là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/4/2023, chị T có đơn xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng. Theo đó, chị Th không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo bản tự khai, biên bản làm việc ngày 19/12/2022 anh Lê Hữu Đ trình bày:

Về vấn đề ly hôn anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lê K. Còn đối với cháu Lê Việt A đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê K, sinh ngày 14/02/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Lê Việt A đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không có yêu cầu, tại phiên tòa vắng mặt nên tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Trần Thu Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hữu Đ căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị T là nguyên đơn, anh Đ là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Hữu Đ hiện nay đang cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Trần Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Hữu Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Đ.

- Ngày 17/4/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Trần Thu T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trần Thu T và anh Lê Hữu Đ tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/2003 nên áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị Thảo xác định không còn tình cảm với anh Đ, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ ngày 10/5/2018 cho đến hiện nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Đăng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đăng. Anh Đăng có lời khai đồng ý ly hôn với chị Thảo (bút lục 23). Anh thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ ngày 10/5/2018 cho đến hiện nay.

Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 05/4/2023 (Bút lục 27) nơi chị T và anh Đ đã từng sống chung với nhau xác định mâu thuẫn giữa các đương sự địa phương không nắm rõ do các đương sự không trình báo. Vợ chồng có 02 người con chung, 01 người con đã đủ 18 tuổi, còn 01 người con nhỏ thì đang sống cùng chị Thảo. Về thu nhập của anh Đăng và chị Thảo thì địa phương không nắm được

Mặc dù, địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa chị Th và anh Đ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Thảo vẫn kiên quyết ly hôn, anh Đăng cũng đồng ý ly hôn với chị Thảo là cho thấy cuộc sống hôn nhân của chị Thảo và anh Đăng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của chị Thảo là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: **Quá trình chung sống chị T và anh Đ** có 02 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 23/10/2004 và cháu Lê Khoa, sinh ngày 14/02/2009. Ly hôn, chị Thảo đề nghị được nuôi cháu K. Không yêu cầu anh đăng phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của chị T là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ. Hiện nay, con chung đang sống cùng chị T, cháu Khoa đang được chị Thảo chăm sóc tốt, đảm bảo đầy đủ về mặt vật chất cũng như tinh thần để phát triển (Bút lục 27). Mặt khác, cháu Khoa cũng có lời khai mong muốn được sống cùng chị Thảo (Bút lục 28). Ngoài ra, chị Thảo cũng đã cung cấp được chứng cứ thể hiện chị Thảo có công việc và thu nhập ổn định để nuôi dưỡng con chung (Bút lục 33) nên việc giao cháu Khoa cho chị Thảo trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Tạm thời, anh Đăng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Trần Thu Thảo phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Thu T đối với bị đơn anh Lê Hữu Đ về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim Ngọc đối với bị đơn anh Lê Ngọc Phương về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trần Thu T được ly hôn với anh Lê Hữu Đ.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê K, sinh ngày 14/02/2009 cho chị Nguyễn Trần Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Lê Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Đ thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Trần Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Th đã nộp theo biên lai thu số **0004803 ngày 08/11/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào án phí chị Thảo phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào